

BẢO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA QUỸ
Tại ngày 30 tháng 11 năm 2010

1. Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Việt Nam
2. Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH m ột thành viên HSBC (Việt Nam)
3. Tên Quỹ: Quỹ Đầu tư Tăng Trưởng Manulife (MAFPF1)
4. Ngày lập báo cáo : 02/12/2010

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm báo cáo		Năm trước năm báo cáo	
			Số phát sinh kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Số phát sinh kỳ này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước
	A	B	1	2	3	4
A. Xác định Kết quả hoạt động đã thực hiện						
I	Thu nhập từ hoạt động Đầu tư đã thực hiện	10	208,143,924	(1,404,697,223)	(6,022,574,273)	(36,998,524,955)
1	Cổ tức được nhận	11	38,006,900	3,689,134,000	217,906,400	2,543,336,880
2	Lãi trái phiếu được nhận	12	4,957,808	19,996,493	-	-
3	Lãi tiền gửi	13	-	4,376,347	-	63,082,332
4	Thu nhập bán chứng khoán	14	165,179,216	(5,118,204,063)	(6,240,480,673)	(39,604,944,167)
5	Thu nhập khác	18	-	-	-	-
II	Chi phí	30	314,883,096	3,478,100,884	336,808,705	3,280,304,259
1	Phí Quản lý Quỹ	31	234,008,992	2,697,849,263	247,576,874	2,337,652,888
2	Phí Giám sát, lưu ký tài sản Quỹ	32	20,000,000	212,506,640	18,486,000	157,444,053
3	Chi phí hợp, đại hội	33	7,495,547	105,984,601	28,578,342	227,098,364
4	Chi phí Kiểm toán	34	17,040,409	193,569,900	26,196,799	186,620,913
5	Chi phí tư vấn, đánh giá	35	-	-	-	-
6	Các loại phí khác	38	36,338,148	268,190,480	15,970,690	371,488,041
III	Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện được phân phối trong kỳ (I - II)	50	(106,739,172)	(4,882,798,107)	(6,359,382,978)	(40,278,829,214)
B. xác định kết quả chưa thực hiện						
I	Thu nhập	60	-	23,206,765,885	-	125,071,260,802
1	Thu nhập đánh giá các khoản đầu tư chứng khoán	61	-	23,206,765,885	-	125,071,260,802
2	Thu nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại	62	-	-	-	-
II	Chi phí	70	561,040,426	26,680,746,562	(17,907,852,677)	(31,018,732,917)
1	Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư	71	561,040,426	26,680,746,562	(17,907,852,677)	(31,018,732,917)
2	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ	72	-	-	-	-
III	Kết quả hoạt động ròng chưa thực hiện cuối kỳ (I - II)	80	(561,040,426)	(3,473,980,677)	(17,907,852,677)	94,052,527,885

Phụ trách bộ phận giám sát
Ngân hàng Giám sát



LÊ THỊ HOÀNG CHÂU
GIÁM ĐỐC DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG
Phòng Nghiệp vụ Chứng khoán

Người lập biểu

Ước

Ngô Thị Bạch Minh Luân

Công ty quản lý quỹ
Kế toán trưởng
Chủ tịch Công ty



Trần Hồng Tiến

Trịnh Bích Ngọc

BÁO CÁO TÀI SẢN CỦA QUỸ

Tại ngày 30 tháng 11 năm 2010

- Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Việt Nam
- Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
- Tên Quỹ: Quỹ Đầu tư Tăng Trưởng Manulife (MAFPF1)
- Ngày lập báo cáo : 02/12/2010

Đơn vị tính : VND

STT	Tài sản	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	Chênh lệch kỳ báo cáo so với kỳ trước
I. 1	Tiền và các khoản tương đương tiền	7,845,702,888	10,532,267,634	(2,686,564,746)
1.1	Tiền gửi không kì hạn	7,845,702,888	10,532,267,634	(2,686,564,746)
1.2	Tiền gửi có kì hạn	-	-	-
I. 2	Các khoản Đầu tư	132,890,603,426	130,806,080,206	2,084,523,220
2.1	Trái phiếu Chính phủ	-	-	-
2.2	Trái phiếu Công ty	773,571,578	765,791,806	7,779,772
2.3	Cổ phiếu	130,903,866,700	128,899,618,800	2,004,247,900
2.3.1	Cổ phiếu niêm yết	130,903,866,700	128,899,618,800	2,004,247,900
2.3.2	Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-
2.4	Quyền mua	1,213,165,148	1,140,669,600	72,495,548
I. 3	Cổ tức được nhận	-	292,071,600	(292,071,600)
I. 4	Trái tức được nhận	19,996,493	15,038,685	4,957,808
I. 5	Tiền bán chứng khoán chờ thu	-	-	-
I. 6	Các khoản phải thu khác	-	-	-
I. 7	Lãi tiền gửi được nhận	-	-	-
I. 7	Các tài sản khác	-	-	-
I. 8	TỔNG TÀI SẢN	140,756,302,807	141,645,458,125	(889,155,318)
STT	Nợ			
II. 1	Tiền phải thanh toán mua Chứng khoán	-	263,025,000	(263,025,000)
II. 2	Phi quản lý phải trả	234,008,992	235,123,816	(1,114,824)
II. 3	Phi giám sát và lưu ký phải trả	20,000,000	20,000,000	-
II. 4	Các khoản phải trả khác	350,907,490	308,143,386	42,764,104
	Chi phí hợp phải trả	124,118,101	116,622,554	7,495,547
	Chi phí dịch vụ đầu tư phải trả	37,063,461	18,835,313	18,228,148
	Chi phí kiểm toán	189,725,928	172,685,519	17,040,409
	Chi phí giá OTC	-	-	-
II. 5	TỔNG NỢ	604,916,482	826,292,202	(221,375,720)
STT	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC			
III.1	Tài sản ròng của Quỹ (I. 8 - II. 5)	140,151,386,325	140,819,165,923	(667,779,598)
III.2	Tỷ lệ Tổng nợ/Tài sản ròng của Quỹ	0.43%	0.59%	-0.16%
III.3	Tổng số Đơn vị Quỹ	21,409,530	21,409,530	-
III.4	Giá trị của một Đơn vị Quỹ	6,546	6,577	(31)

Ngân hàng Giám sát

HUỖNH DAO
Giám đốc dịch vụ khách hàng
Phòng Nghiệp vụ Chứng khoán

Chủ tịch Công ty Quản lý Quỹ

Trịnh Bích Ngọc

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Tại ngày 30 tháng 11 năm 2010

1. Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Việt Nam
2. Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
3. Tên Quỹ: Quỹ Đầu tư Tăng Trưởng Manulife (MAFPF1)
4. Ngày lập báo cáo : 02/12/2010

Đơn vị tính: VND

STT	Chi tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
I	Giá trị Tài sản ròng đầu kỳ của Quỹ	140,819,165,923	140,142,924,494
II	Thay đổi giá trị Tài sản ròng của Quỹ trong kỳ	(667,779,598)	676,241,429
	Trong đó		
1	Thay đổi giá trị Tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ	(667,779,598)	676,241,429
2	Thay đổi giá trị Tài sản ròng của Quỹ do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà Đầu tư	-	-
III	Giá trị Tài sản ròng của Quỹ cuối kỳ	140,151,386,325	140,819,165,923
IV	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ	6,546	6,577

Ngân hàng Giám sát



Chủ Tịch Công ty quản lý quỹ

Trịnh Bích Ngọc